

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Đinh Khánh Thu<sup>(1)</sup>; Vũ Công Lâm<sup>(2)</sup>

## Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 28/02/2026

Ngày phản biện: 08/03/2026

Ngày đăng: 24/04/2026

## Tác giả liên hệ:

Đinh Khánh Thu

Email: thuvkhtdt@gmail.com

Tập 16, số 2 (2026), trang 26-33

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14027>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

**Tóm tắt:** Đánh giá toàn diện kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển TDTT Quần chúng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL trên cơ sở khảo sát 1.063 người dân và 135 đơn vị quản lý và sử dụng kiểm định Chi-square một mẫu để đối chiếu mục tiêu chiến lược, đã xác định: năm 2025, tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên đạt 43,1% và tỷ lệ gia đình thể thao đạt 38,3%. Cả hai chỉ tiêu này đều vượt mục tiêu chiến lược của tỉnh cho năm 2025 (37% và 27%) và định hướng năm 2030 (40% và 30%). Hệ thống cơ sở vật chất ghi nhận sự bùng nổ của các loại hình bể bơi và sân tập cấp cơ sở. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra sự mất cân đối giữa tốc độ phát triển phong trào và năng lực quản lý hành chính, thể hiện qua lỗ hổng dữ liệu về cộng tác viên, câu lạc bộ và các giải đấu tích hợp kinh tế - du lịch. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để xây dựng chính sách phát triển TDTT Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030 theo hướng bền vững và số hóa.

**Từ khóa:** TDTT quần chúng, Tỉnh Bắc Ninh (cũ), Giai đoạn 2021-2025, Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL.

## Evaluation of the implementation outcomes of mass sports development targets in Bac Ninh Province, 2021–2025 Period

Đinh Khanh Thu<sup>(1)</sup>; Vu Cong Lam<sup>(2)</sup>

## Article Information:

Received: 28/02/2026

Review date: 08/03/2026

Published: 24/04/2026

## Corresponding Author:

Đinh Khanh Thu

Email: thuvkhtdt@gmail.com

Vol 16, Issue 2 (2026), pp 26-33

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14027>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

**Abstract:** A comprehensive evaluation of the implementation outcomes of mass sports development targets in Bac Ninh Province during the 2021–2025 period was conducted in accordance with Circular No. 01/2019/TT-BVHTTDL. The study was based on a survey of 1,063 residents and 135 management units, employing a one-sample Chi-square test to compare with strategic targets. The findings indicate that by 2025, the proportion of regular sports participants reached 43.1%, and the proportion of “sports families” reached 38.3%. Both indicators exceeded the province’s strategic targets for 2025 (37% and 27%) and the orientation for 2030 (40% and 30%). The infrastructure system recorded significant growth, particularly in grassroots-level swimming pools and training facilities. However, the study also identified an imbalance between the rapid development of the movement and administrative management capacity, reflected in data gaps concerning collaborators, clubs, and integrated economic-tourism sporting events. The research results provide an important foundation for developing sustainable and digitalized sports policies in Bac Ninh Province for the 2026–2030 period.

**Keywords:** Mass sports; Bac Ninh Province (formerly); 2021–2025 period; Circular No. 01/2019/TT-BVHTTDL.

<sup>(1)</sup>PGS TS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

<sup>(2)</sup>ThS Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Phát triển TDTT Quần chúng là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao sức khỏe, tầm vóc và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Gần đây nhất, Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển TDTT trong giai đoạn mới phải gắn liền với việc xây dựng lối sống lành mạnh và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân [1].

Bắc Ninh, với vị thế là một trung tâm kinh tế năng động và là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, luôn xác định TDTT là một thành tố hữu cơ trong chiến lược phát triển bền vững. Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX đã khẳng định mục tiêu xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện, trong đó chú trọng rèn luyện thể chất [3]. Trên cơ sở đó, Quyết định số 102/QĐ-UBND đã đề ra lộ trình quy hoạch cụ thể với những mục tiêu đầy tham vọng cho giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn 2030 [4]. Do vậy, khi giai đoạn 2021-2025 khép lại, việc nhìn nhận lại một cách khách quan và toàn diện các kết quả thực tế là vô cùng cấp thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học quan trọng để các cấp quản lý điều chỉnh chính sách, xây dựng lộ trình phát triển TDTT quần chúng tỉnh Bắc Ninh cho giai đoạn 2026-2030 theo hướng hiện đại, bền vững và chuyên nghiệp.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Điều tra xã hội học; Phỏng vấn chuyên gia và Toán học thống kê.

Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng phát triển TDTT quần chúng theo Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL gồm 06 tiêu chí: người tập thường xuyên, gia đình thể thao, cộng tác viên, câu lạc bộ, công trình thể thao và giải thi đấu.

Phạm vi nghiên cứu: Địa bàn tỉnh Bắc Ninh (cũ); Thời gian giai đoạn 2021-2025.

Khách thể nghiên cứu:

Mẫu quản lý: 135 cán bộ, chuyên viên phụ trách TDTT các cấp (01 đơn vị cấp tỉnh; 08 đơn vị cấp huyện/thành phố/thị xã và 126 đơn vị cấp xã/phường/thị trấn).

Mẫu người dân: cỡ mẫu được xác định theo

công thức đại diện quần thể của Yamane (1967): Số lượng đại diện quần thể cần là:  $n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$

Trong đó: n: cỡ mẫu cần xác định; N: là mẫu tổng thể; e: xác suất mong muốn, e = 0,03.

Căn cứ dân số tỉnh Bắc Ninh năm 2023 là 1.517.441 người (Niên giám thống kê, 2023) và sai số chọn mẫu e = 0,03, cỡ mẫu tính toán là 1.110 người. Nghiên cứu phát ra 1.110 phiếu và thu về hợp lệ 1.063 phiếu (đạt 95,8%), đảm bảo yêu cầu đại diện thống kê. Mẫu được phân theo khu vực kinh tế-xã hội gồm: 552 người dân nông thôn và 511 người thành thị. Đối tượng khảo sát từ 15 tuổi trở lên theo thông lệ thống kê quốc tế về lực lượng lao động; đồng thời được chia thành 4 nhóm tuổi (15–22; 23–44; 45–60; trên 60 tuổi) phục vụ phân tích theo đặc điểm phát triển tâm lý – xã hội.

Để đánh giá mức độ đạt và vượt các chỉ tiêu chiến lược, nghiên cứu áp dụng kiểm định Chi-square ( $\chi^2$ ) một mẫu (goodness-of-fit test) nhằm so sánh tỷ lệ quan sát thực tế với 03 mốc: mục tiêu giai đoạn 2025, định hướng 2030 và mức bình quân toàn quốc.

Giá trị thống kê được tính theo công thức:

$$\chi^2 = \sum \frac{(O - E)^2}{E}$$

Trong đó: O là tần số quan sát; E là tần số kỳ vọng theo mục tiêu; df = k – 1 (với k là số nhóm so sánh). Mức ý nghĩa thống kê được xác định tại  $\alpha = 0,05$  và  $\alpha = 0,01$ . Kết quả kiểm định được đối chiếu với giá trị  $\chi^2$  tới hạn tương ứng để đưa ra kết luận về sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

### **1. Thực trạng các tiêu chí về người tập luyện và gia đình thể thao năm 2025**

#### **1.1. Tiêu chí số người tập luyện TDTT thường xuyên của người dân tỉnh Bắc Ninh năm 2025**

Nghiên cứu khảo sát 1.063 người dân bằng phiếu hỏi tự đánh giá mức độ tham gia tập luyện trong 6 tháng gần nhất theo chuẩn: tối thiểu 3 buổi/tuần, mỗi buổi từ 30 phút trở lên, với hai mức lựa chọn: (1) Không thường xuyên; (2) Thường xuyên.

**Bảng 1. Thực trạng số người tập luyện TDTT thường xuyên của người dân tỉnh Bắc Ninh năm 2025 (n = 1063)**

Mức độ tập luyện	Số lượng (người)	Tỷ lệ %	Mục tiêu 2025 (%)	Định hướng 2030 (%)	Toàn quốc 2025 (%)
Không thường xuyên	605	56.9			
Thường xuyên	458	43.1	37	40	38.2
Tổng	1063	100.0			

Kết quả cho thấy, có 458/1.063 người tập luyện thường xuyên, chiếm 43,1%; số không thường xuyên là 605 người, chiếm 56,9%. So với mục tiêu được xác định tại Quyết định số 102/QĐ-UBND, tại thời điểm khảo sát năm 2025 các tiêu chí có sự vượt trội cả giai đoạn

2025, định hướng 2030 và tỷ lệ TB toàn quốc năm 2025 là 38,2% (Bộ VHTTDL). Để kiểm định sự khác biệt, nghiên cứu tiến hành kiểm định Chi-square ( $\chi^2$ ) một mẫu để so sánh tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên thực tế (43,1%) với 03 mốc tham chiếu đã nêu.

**Bảng 2. Kết quả kiểm định  $\chi^2$  so với các mốc mục tiêu (n = 1063)**

Mốc so sánh	Nhóm	O	E	(O-E) <sup>2</sup> /E
37% (2025)	Tập thường xuyên	458	393	10.75
	Không thường xuyên	605	670	6.31
$\chi^2 = 17,06$				
40% (2030)	Tập thường xuyên	458	425	2.56
	Không thường xuyên	605	638	1.71
$\chi^2 = 4,27$				
38,2% (Toàn quốc)	Tập thường xuyên	458	406	6.66
	Không thường xuyên	605	657	4.09
$\chi^2 = 10,75$				

Ghi chú:  $df = 1$ ;  $\chi^2(0,05) = 3,84$ ;  $\chi^2(0,01) = 6,63$

Kết quả kiểm định cho thấy tỷ lệ người dân tập luyện thường xuyên tại Bắc Ninh cao hơn mục tiêu 37% với mức ý nghĩa thống kê rất cao ( $\chi^2 = 17,06$ ;  $p < 0,01$ ), đồng thời cũng cao hơn mục tiêu 40% đến năm 2030 ( $\chi^2 = 4,27$ ;  $p < 0,05$ ). So với mức bình quân toàn quốc 38,2%, sự chênh lệch tiếp tục có ý nghĩa thống kê ( $\chi^2 = 10,75$ ;  $p < 0,01$ ). Điều này chứng tỏ phong trào TDTT quần chúng của tỉnh không chỉ đạt mà đã vượt các ngưỡng mục tiêu chiến lược, phản ánh xu hướng phát triển tích cực và tương đối ổn định về tỷ lệ tham gia tập luyện của người dân trong giai đoạn hiện nay.

### 1.2. Tiêu chí gia đình thể thao tỉnh Bắc Ninh năm 2025

Căn cứ Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL,

nghiên cứu khảo sát 1.063 người dân với câu hỏi: “Tỷ lệ người trong gia đình tham gia tập luyện TDTT thường xuyên trong 6 tháng qua”, người trả lời lựa chọn một trong hai mức: (1) Không thường xuyên; (2) Thường xuyên. Kết quả thu được như sau:

Tỷ lệ gia đình thể thao của tỉnh Bắc Ninh đạt 38,3%, cao hơn đáng kể so với mục tiêu 2025 (27%), mục tiêu định hướng 2030 (30) và mức bình quân toàn quốc năm 2025 (28,3%). Tuy nhiên, để xác định độ tin cậy thống kê nghiên cứu kiểm định  $\chi^2$  để so sánh tỷ lệ thực tế của tỉnh Bắc Ninh với 03 mốc tham chiếu.

Kết quả kiểm định cho thấy tỷ lệ gia đình thể thao của tỉnh Bắc Ninh (38,3%) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với mục tiêu \ 2025 (27%),

**Bảng 3. Thực trạng tiêu chí gia đình thể thao tỉnh Bắc Ninh (n = 1063)**

Mức độ tập luyện	Số lượng (người)	Tỷ lệ	Mục tiêu	Mục tiêu	Toàn quốc 2025 (%)
		(%)	2025 (%)	2030 (%)	
Không thường xuyên	656	61.7			
Thường xuyên	407	38.3	27	30	28.3
Tổng	1063	100.0			

**Bảng 4. Kết quả kiểm định  $\chi^2$  so với các mốc mục tiêu về gia đình thể thao (n = 1063)**

Mốc so sánh	Nhóm	O	E	(O-E) <sup>2</sup> /E
27% (2025)	Thường xuyên	407	287	50.17
	Không thường xuyên	656	776	18.56
$\chi^2 = 68,73$				
30% (2030)	Thường xuyên	407	319	24.28
	Không thường xuyên	656	744	10.41
$\chi^2 = 34,69$				
28,3% (Toàn quốc)	Thường xuyên	407	301	37.33
	Không thường xuyên	656	762	14.75
$\chi^2 = 52,08$				

Ghi chú:  $df = 1$ ;  $\chi^2(0,05) = 3,84$ ;  $\chi^2(0,01) = 6,63$

định hướng 2030 (30%) và mức bình quân toàn quốc năm 2025 (28,3%) ( $p < 0,001$ ). Điều này chứng tỏ phong trào xây dựng gia đình thể thao tại địa phương không chỉ đạt mà đã vượt các ngưỡng mục tiêu chiến lược, phản ánh hiệu quả tích cực trong triển khai chính sách TDTT quần chúng trong giai đoạn hiện nay.

**2. Kết quả thống kê các nguồn lực hỗ trợ**

**2.1. Tiêu chí cộng tác viên TDTT tỉnh Bắc Ninh**

Tại thời điểm khảo sát năm 2025, tỉnh Bắc Ninh chưa có số liệu thống kê chính thức về chỉ tiêu này. Nguyên nhân do: (1) chưa áp dụng thống nhất tiêu chí về cộng tác viên TDTT; (2) lực lượng này hoạt động mang tính tự nguyện, không chuyên trách, biến động thường xuyên; (3) phân tán ở cơ sở và chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung; (4) hạn chế về nguồn lực và cán bộ chuyên trách ở cấp xã/phường.

Như vậy, việc chưa thống kê được số cộng tác viên TDTT đã phản ánh sự hạn chế và lỗ hổng trong công tác quản lý lực lượng hỗ trợ phong trào ở cơ sở, đồng thời cho thấy cần có hướng dẫn và cơ chế quản lý thống nhất trong thời gian tới.

**2.2. Tiêu chí số câu lạc bộ TDTT**

Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh chưa có số liệu thống kê chính thức và đầy đủ về tổng số CLB TDTT trên địa bàn. Nguyên nhân xuất phát từ: (1) sự không thống nhất và phức tạp trong định nghĩa, phân loại CLB (bao gồm cả các nhóm tự phát, không đăng ký chính thức); (2) cơ chế quản lý phân tán ở nhiều cấp, nhiều đơn vị khác nhau; (3) do biến động thường xuyên, thiếu nhân lực chuyên trách và chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung; (4) ưu tiên báo cáo tập trung vào các chỉ tiêu về tỷ lệ người dân tham

gia thay vì số lượng CLB; (5) thiếu cơ chế khuyến khích hoặc chế tài đối với việc đăng ký, báo cáo hoạt động CLB. Thực trạng này cho thấy việc thống kê chính xác số lượng CLB TDTT đòi hỏi phải chuẩn hóa tiêu chí xác định loại hình CLB, hoàn thiện hệ thống quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh.

Dù các chỉ số phong trào đạt mức cao, nhưng lỗ hổng trong công tác thống kê về lực lượng cộng tác viên và câu lạc bộ cho thấy sự mất cân đối giữa “tốc độ phát triển thực tế” và “năng lực

quản lý hành chính”. Việc thiếu hệ thống dữ liệu số hóa khiến công tác quản lý tại Bắc Ninh vẫn mang tính định tính, gây khó khăn cho việc dự báo và hoạch định chính sách chuyên sâu trong giai đoạn tiếp theo

### 3. Thực trạng phát triển hệ thống công trình thể thao các cấp

Kết quả thống kê số lượng công trình thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021–2025 và mức tăng trưởng được trình bày tại bảng 5.

**Bảng 5. Tổng số công trình thể thao và % tăng trưởng (2021–2025)**

TT	Tiêu chí	2021	2025	Tăng trưởng (%)
1	Nhà thi đấu đa năng	1	2	100
2	Nhà thi đấu đơn môn	2	2	0
3	Bể bơi 50m	13	32	146.2
4	Bể bơi 25m	42	138	228.6
5	Sân vận động có khán đài	2	4	100
6	Sân vận động không khán đài	167	179	7.2
7	Sân Bóng đá mini	199	350	75.9
8	Sân Bóng chuyền	232	465	100.4
9	Sân Bóng rổ	16	33	106.3
10	Sân Cầu lông	520	670	28.8
11	Sân Quần vợt	65	81	24.6
12	Sân thể thao khác	292	744	154.8

Giai đoạn 2021–2025, hệ thống công trình thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có xu hướng gia tăng rõ rệt nhưng không đồng đều giữa các loại hình. Nhóm công trình phục vụ phong trào quần chúng có tốc độ tăng trưởng cao, nổi bật là bể bơi 25m (+228,6%), sân thể thao khác (+154,8%), bể bơi 50m (+146,2%), sân Bóng rổ (+106,3%) và sân Bóng chuyền (+100,4%). Sân Bóng đá mini tăng 75,9%, phản ánh nhu cầu tập luyện phổ biến trong cộng đồng. Trong khi đó, các công trình quy mô lớn tăng chậm hoặc không phát triển, như nhà thi đấu đơn môn (0%) và sân vận động không khán đài chỉ tăng 7,2%. Cơ cấu này cho

thấy xu hướng đầu tư tập trung vào thiết chế quy mô vừa và nhỏ ở cấp cơ sở, phục vụ trực tiếp nhu cầu tập luyện đại chúng. Tuy nhiên, đối chiếu với thiết chế ở cơ, nhiều đơn vị hành chính cấp xã vẫn chưa bảo đảm đủ hệ thống công trình tối thiểu, đồng thời còn thiếu không gian tập luyện ngoài trời và khu liên hợp thể thao đồng bộ. Điều này cho thấy mặc dù số lượng tăng mạnh, nhưng chất lượng và tính đồng bộ của hệ thống cơ sở vật chất TDTT vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đầu tư chiều sâu và xã hội hóa nguồn lực. Đây là bài toán cần giải quyết bằng việc xã hội hóa đầu tư thay vì chỉ dựa vào ngân sách nhà nước.

**4. Thực trạng hoạt động tổ chức giải thi đấu TDTT giai đoạn 2021 - 2025**

**4.1. Diễn biến số giải thể thao tổ chức hằng năm**

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 135 đơn vị quản lý về số lượng giải được tổ chức giai đoạn

2021–2025 theo 04 nhóm (tại bảng 6).

Tuy nhiên, số liệu thu thập được không đầy đủ, đặc biệt thiếu thông kê từ cấp huyện và cấp xã, chủ yếu phản ánh số liệu do đơn vị quản lý cấp tỉnh cung cấp.

**Bảng 6. Thống kê số lượng giải thi đấu TDTT quần chúng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021–2025**

Nội dung	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số giải TTQC cấp tỉnh	9	9	9	10	10
Giải TTQC tổ chức độc lập	8	8	7	8	8
Giải TTQC gắn với sự kiện du lịch, lễ hội truyền thống	1	1	2	2	2
Giải TTQC gắn với sự kiện kinh tế, văn hóa hiện đại	0	0	0	0	0

Kết quả cho thấy, tỉnh Bắc Ninh chủ yếu tổ chức các giải thi đấu độc lập, trung bình khoảng 9 giải cấp tỉnh mỗi năm trong giai đoạn 2021–2023 và tăng lên 10 giải năm 2024-2025. Số giải gắn với các sự kiện du lịch và lễ hội truyền thống có xu hướng tăng (từ 1 giải/năm giai đoạn 2021–2022 lên 2 giải/năm giai đoạn 2023–2025). Trong khi đó, chưa ghi nhận giải TTQC nào gắn với các sự kiện kinh tế, văn hóa hiện đại. Việc “vắng bóng” các giải đấu gắn liền với sự kiện kinh tế - văn hóa hiện đại cho thấy Bắc Ninh chưa khai thác hết lợi thế của một tỉnh công nghiệp, chưa thực sự trở thành công cụ thúc đẩy kinh tế - du lịch thông qua mô hình “Kinh tế thể thao”

Thực tiễn cho thấy việc tổ chức các giải thể thao tích hợp quy mô lớn còn gặp nhiều rào cản, gồm: (1) thiếu cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả; (2) hạn chế về nguồn lực tài chính và xã hội hóa; (3) yêu cầu cao về năng lực tổ chức sự kiện phức hợp; (4) khó khăn trong lựa chọn chủ đề, thời điểm; (5) chưa hình thành đơn vị điều phối chuyên trách đủ mạnh.

Đặc biệt, nghiên cứu không thu thập được số liệu thống kê từ cấp xã, phường. Đã phản ánh sự thiếu tiêu chí thống nhất về khái niệm và phân loại giải thi đấu; thiếu hệ thống dữ liệu tập

trung; hạn chế về nhân lực và kinh phí; đồng thời phản ánh sự hạn chế về chỉ đạo và quản trị của các cấp quản lý.

Tổng thể, mặc dù Bắc Ninh duy trì tương đối ổn định số lượng giải TTQC cấp tỉnh, song hệ thống thống kê chưa đồng bộ giữa các cấp quản lý. Điều này đặt ra yêu cầu cần chuẩn hóa tiêu chí xác định giải thi đấu, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung và hoàn thiện cơ chế báo cáo từ cấp cơ sở nhằm phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động TDTT quần chúng trên địa bàn tỉnh.

**KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu phép rút ra các kết luận sau:

Về các chỉ tiêu con người: Tỉnh đã hoàn thành và vượt mức các mục tiêu chiến lược về tỷ lệ người tập thường xuyên (43,1%) và gia đình thể thao (38,3%) trong năm 2025. Thành tựu này cho thấy hiệu quả của chính sách đầu tư và sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của nhân dân.

Về hạ tầng và hoạt động: Hệ thống thiết chế thể thao có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là các công trình quy mô nhỏ cấp cơ sở (bể bơi, sân bóng mini, sân Cầu lông), đáp ứng kịp thời nhu cầu dân sinh. Tuy nhiên, hoạt động tổ chức giải đấu còn mang tính độc lập, chưa hình thành mô hình tích hợp TDTT với phát triển kinh tế –



**Thể dục thể thao quần chúng tỉnh Bắc Ninh phát triển khá mạnh với nền tảng phong trào rộng khắp và sự quan tâm của địa phương**

du lịch thông qua việc gắn kết với các sự kiện kinh tế - văn hóa hiện đại.

Về công tác quản lý: Tồn tại sự "lệch pha" giữa thực tế phong trào và khả năng thống kê, quản trị của các cấp lãnh đạo; qua đó đặt ra nhu cầu cấp thiết về việc số hóa dữ liệu và chuẩn hóa tiêu chí, qui trình báo cáo từ cấp xã/ phường đến cấp tỉnh.

Kiến nghị: Trong giai đoạn 2026-2030, Bắc Ninh cần ưu tiên đầu tư chiều sâu cho các khu liên hợp thể thao quy mô lớn và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong quản lý TDTT để duy trì vị thế dẫn đầu trong khu vực.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận số 70-KL/TW về phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn mới*. Việt Nam.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2019). *Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL quy định về đánh giá phong trào thể dục thể thao quần chúng*. Việt Nam.
3. Tỉnh ủy Bắc Ninh. (2022). *Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về việc*

*xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững*. Bắc Ninh, Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. (2015). *Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2015 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thể dục thể thao tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Bắc Ninh, Việt Nam.

5. Tổng cục Thể dục Thể thao. (n.d.). *Thể dục thể thao cho mọi người đạt nhiều kết quả đáng khích lệ*. Truy cập từ <https://tdtt.gov.vn/the-thao-trong-nuoc/id/94059/the-duc-the-thao-cho-moi-nguoi-dat-nhieu-ket-qua-dang-khich-le>.